

Số: 220 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định điều kiện và mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2015 - 2016 cho sinh viên Đại học chính quy khóa 66, 70, Cao đẳng chính quy khóa 4, 6

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/03/2002 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGD&ĐT-BTC ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ;

Căn cứ thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT/BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/04/2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông báo số 46/TB-DHN ngày 13/02/2016 của Trường Đại học Dược Hà Nội về việc thu học phí và kinh phí đào tạo từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 18/03/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên được cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) học kỳ I, năm học 2015-2016 là các sinh viên đại học hệ chính quy các khóa 66, 70 và cao đẳng chính quy khóa 4, 6 có điểm rèn luyện từ mức khá trở lên, không bị kỷ luật trong học kỳ I, năm học 2015-2016 và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung

bình học tập lần 1 (thang điểm 4) của học kỳ I, năm học 2015-2016 từ các mức điểm sau đây trở lên:

CD K4: 3,14	ĐH K66: 3,86
CD K6: 2,50	ĐH K70: 3,48

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2015-2016 được quy định như sau:

Đối với Đại học chính quy: Mức học bổng loại khá: 800.000đ/tháng; loại giỏi: 900.000đ/tháng; loại xuất sắc: 1.000.000đ/tháng.

Đối với Cao đẳng chính quy: Mức học bổng loại khá: 650.000đ/tháng; loại giỏi: 750.000đ/tháng; loại xuất sắc: 850.000đ/tháng.

Học bổng học kỳ I, năm học 2015-2016 được cấp trong học kỳ II, năm học 2015-2016.

Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 28/CP của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng các phòng QLSV, ĐT, TCKT và sinh viên các khóa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ban giám hiệu;
- Các lớp SV;
- Niêm yết;
- Lưu: VT, QLSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG 

Thái Nguyễn Hùng Thu

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP SINH VIÊN

Học kỳ I, năm học 2015 - 2016

(kèm theo quyết định số 110 /QĐ-DHN ngày 28 tháng 3 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
1	1101166	Ngô Thị Hằng	M1K66	3.92	0	88	Giỏi	900,000
2	1101240	Mai Xuân Hương	M1K66	3.88	0	90	Xuất sắc	1,000,000
3	1101378	Đặng Thị Nhung	M2K66	3.92	0	96	Xuất sắc	1,000,000
4	1101526	Dương Thị Huyền Trang	M2K66	3.90	0	90	Xuất sắc	1,000,000
5	1101259	Phạm Văn Hùng	M3K66	3.95	0	95	Xuất sắc	1,000,000
6	1001075	Lưu Thị Thùy Dung	N1K66	3.91	0	88	Giỏi	900,000
7	1101010	Đào Tú Anh	N1K66	3.86	0	91	Xuất sắc	1,000,000
8	1101012	Đặng Nam Anh	N1K66	3.98	0	100	Xuất sắc	1,000,000
9	1101016	Lê Thị Lan Anh	N1K66	3.96	0	99	Xuất sắc	1,000,000
10	1101056	Trần Văn Chính	N1K66	3.96	0	86	Giỏi	900,000
11	1101059	Phạm Văn Chung	N1K66	3.95	0	86	Giỏi	900,000
12	1101112	Nguyễn Trung Đức	N1K66	3.89	0	86	Giỏi	900,000
13	1101134	Hà Thu Hà	N1K66	3.91	0	84	Giỏi	900,000
14	1101150	Phạm Thị Hào	N1K66	3.98	0	93	Xuất sắc	1,000,000
15	1101190	Lê Thị Hoa	N1K66	3.92	0	86	Giỏi	900,000
16	1101191	Lê Thị Hoa	N1K66	3.91	0	89	Giỏi	900,000
17	1101200	Phạm Thị Hoài	N1K66	3.96	0	94	Xuất sắc	1,000,000
18	1101216	Nguyễn Thị Hải Hồng	N1K66	3.96	0	88	Giỏi	900,000
19	1101217	Vũ Thị Hồng	N1K66	3.93	0	88	Giỏi	900,000
20	1101229	Nguyễn Thị Huyền	N1K66	4.00	0	100	Xuất sắc	1,000,000
21	1101262	Lê Hồng Khánh	N1K66	3.89	0	89	Giỏi	900,000
22	1101292	Tạ Thị Hồng Liễu	N1K66	3.96	0	87	Giỏi	900,000
23	1101294	Đặng Thuý Linh	N1K66	3.95	0	89	Giỏi	900,000
24	1101320	Cao Thị Thanh Mai	N1K66	3.96	0	88	Giỏi	900,000
25	1101343	Phạm Thị Lê Na	N1K66	3.89	0	92	Xuất sắc	1,000,000
26	1101384	Phí Thị Tuyết Nhung	N1K66	3.93	0	87	Giỏi	900,000
27	1101389	Nguyễn Thị Mai Oanh	N1K66	3.93	0	88	Giỏi	900,000
28	1101401	Nguyễn Thị Thu Phương	N1K66	3.89	0	87	Giỏi	900,000
29	1101408	Nguyễn Thị Bích Phượng	N1K66	3.88	0	87	Giỏi	900,000
30	1101457	Võ Nhật Thanh	N1K66	3.89	0	88	Giỏi	900,000
31	1101504	Vũ Thị Thu Thủy	N1K66	3.96	0	90	Xuất sắc	1,000,000
32	1101511	Trần Thị Hoài Thương	N1K66	3.86	0	93	Xuất sắc	1,000,000
33	1101534	Nguyễn Thị Trang	N1K66	3.95	0	91	Xuất sắc	1,000,000
34	1101545	Lê Thị Trâm	N1K66	3.89	0	87	Giỏi	900,000
35	1101576	Thái Thanh Tuyết	N1K66	3.93	0	96	Xuất sắc	1,000,000
36	1101581	Phạm Đăng Tùng	N1K66	3.93	0	86	Giỏi	900,000
37	1101002	Lê Trường An	N2K66	3.93	0	95	Xuất sắc	1,000,000
38	1101169	Phan Thị Hằng	N2K66	3.93	0	99	Xuất sắc	1,000,000
39	1101175	Đỗ Thị Thanh Hiền	N2K66	3.96	0	87	Giỏi	900,000
40	1101274	Lê Ngọc Kiên	N2K66	3.96	0	90	Xuất sắc	1,000,000
41	1101278	Phan Thanh Lam	N2K66	3.86	0	91	Xuất sắc	1,000,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
42	1101369	Trần Thị Ngọc	N2K66	3.88	0	87	Giỏi	900,000
43	1101395	Đoàn Thị Phương	N2K66	3.88	0	90	Xuất sắc	1,000,000
44	1101436	Nguyễn Thị Thuý Sao	N2K66	3.98	0	99	Xuất sắc	1,000,000
45	1101499	Phạm Thị Thu	N2K66	3.91	0	94	Xuất sắc	1,000,000
46	1101527	Đặng Thị Huyền Trang	N2K66	3.98	0	92	Xuất sắc	1,000,000
47	1101528	Đoàn Thu Trang	N2K66	3.93	0	89	Giỏi	900,000
48	1101613	Hoàng Mai Yến	N2K66	3.86	0	96	Xuất sắc	1,000,000
49	1101303	Phạm Thị Ngọc Linh	O1K66	3.93	0	92	Xuất sắc	1,000,000
50	1101248	Doãn Thuý Hường	P1K66	3.95	0	86	Giỏi	900,000
51	1101276	Lê Thiên Kim	P1K66	4.00	0	100	Xuất sắc	1,000,000
52	1501141	Vũ Ngọc Hải	A1K70	3.59	0	84	Giỏi	900,000
53	1501188	Lê Thị Hồng	A1K70	3.59	0	89	Giỏi	900,000
54	1501356	Nguyễn Thị Ngọc	A1K70	3.48	0	82	Giỏi	900,000
55	1501407	Đặng Anh Quân	A1K70	3.75	0	85	Giỏi	900,000
56	1501429	Bùi Tiến Sơn	A1K70	3.48	0	89	Giỏi	900,000
57	1501045	Trần Thị Ngọc Bích	A2K70	3.73	0	89	Giỏi	900,000
58	1501050	Nguyễn Thanh Bình	A2K70	3.86	0	86	Giỏi	900,000
59	1501242	Nguyễn Văn Khang	A2K70	3.50	0	81	Giỏi	900,000
60	1501292	Vũ Thị Mỹ Linh	A2K70	3.68	0	86	Giỏi	900,000
61	1501328	Nguyễn Thị Mến	A2K70	3.75	0	83	Giỏi	900,000
62	1501333	Nguyễn Trà My	A2K70	3.50	0	95	Giỏi	900,000
63	1501448	Nguyễn Thế Thành	A2K70	3.80	0	78	Khá	800,000
64	1501553	Nguyễn Thị Vinh	A2K70	3.68	0	90	Xuất sắc	1,000,000
65	1501567	Nguyễn Thị Hải Yến	A2K70	3.57	0	93	Giỏi	900,000
66	1501026	Nguyễn Việt Anh	A3K70	3.77	0	88	Giỏi	900,000
67	1501098	Đào Trung Đức	A3K70	3.48	0	87	Giỏi	900,000
68	1501129	Phan Thị Ngân Giang	A3K70	3.82	0	87	Giỏi	900,000
69	1501273	Nguyễn Hoài Linh	A3K70	3.91	0	91	Xuất sắc	1,000,000
70	1501283	Nguyễn Tuấn Linh	A3K70	3.73	0	95	Xuất sắc	1,000,000
71	1501285	Phạm Thị Thuý Linh	A3K70	3.48	0	84	Giỏi	900,000
72	1501286	Phan Thị Mỹ Linh	A3K70	3.91	0	87	Giỏi	900,000
73	1501358	Trần Thị Bích Ngọc	A3K70	3.64	0	85	Giỏi	900,000
74	1501379	Hoàng Thị Oanh	A3K70	3.66	0	86	Giỏi	900,000
75	1501441	Nguyễn Đình Tạo	A3K70	3.66	0	88	Giỏi	900,000
76	1501488	Nguyễn Thị Ngọc Thụy	A3K70	3.52	0	84	Giỏi	900,000
77	1501507	Nguyễn Thị Trang	A3K70	3.70	0	88	Giỏi	900,000
78	1501513	Từ Phạm Hiền Trang	A3K70	3.68	0	88	Giỏi	900,000
79	1501518	Trần Việt Trinh	A3K70	3.86	0	88	Giỏi	900,000
80	1501568	Thịnh Hải Yến	A3K70	3.50	0	85	Giỏi	900,000
81	1501021	Nguyễn Thị Lan Anh	A4K70	3.68	0	85	Giỏi	900,000
82	1501028	Phạm Thị Anh	A4K70	3.95	0	86	Giỏi	900,000
83	1501057	Phạm Thị Châu	A4K70	3.77	0	89	Giỏi	900,000
84	1501058	Nguyễn Thị Minh Chi	A4K70	3.73	0	95	Xuất sắc	1,000,000
85	1501074	Trần Hải Đăng	A4K70	3.61	0	88	Giỏi	900,000
86	1501143	Nguyễn Thị Hằng	A4K70	3.48	0	86	Giỏi	900,000
87	1501158	Nguyễn Thu Hiền	A4K70	3.75	0	91	Xuất sắc	1,000,000
88	1501275	Nguyễn Khánh Linh	A4K70	3.75	0	88	Giỏi	900,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
89	1501281	Nguyễn Thị Linh	A4K70	3.82	0	83	Giỏi	900,000
90	1501322	Nguyễn Đình Mạnh	A4K70	3.48	0	85	Giỏi	900,000
91	1501414	Trần Văn Quý	A4K70	3.52	0	87	Giỏi	900,000
92	1501426	Trần Thị Như Quỳnh	A4K70	3.68	0	82	Giỏi	900,000
93	1501473	Vũ Thị Kim Thoa	A4K70	3.61	0	88	Giỏi	900,000
94	1501495	Đặng Thị Huyền Trang	A4K70	3.48	0	85	Giỏi	900,000
95	1501516	Nguyễn Ngọc Triền	A4K70	3.95	0	99	Xuất sắc	1,000,000
96	1501003	Đàm Hoàng Anh	A5K70	3.68	0	94	Xuất sắc	1,000,000
97	1501006	Lê Minh Anh	A5K70	4.00	0	90	Xuất sắc	1,000,000
98	1501027	Phạm Thế Anh	A5K70	3.55	0	88	Giỏi	900,000
99	1501080	Nguyễn Tiến Đạt	A5K70	3.93	0	86	Giỏi	900,000
100	1501131	Lê Thị Khánh Hà	A5K70	3.77	0	86	Giỏi	900,000
101	1501147	Đào Minh Hạnh	A5K70	3.84	0	85	Giỏi	900,000
102	1501187	Đặng Thị Hồng	A5K70	3.61	0	85	Giỏi	900,000
103	1501247	Ngô Minh Khoa	A5K70	3.91	0	88	Giỏi	900,000
104	1501284	Phạm Thị Thuỳ Linh	A5K70	3.75	0	85	Giỏi	900,000
105	1501346	Nguyễn Thu Ngân	A5K70	3.64	0	88	Giỏi	900,000
106	1501389	Nguyễn Thiên Phong	A5K70	3.80	0	98	Xuất sắc	1,000,000
107	1501411	Nguyễn Phùng Quang	A5K70	3.61	0	88	Giỏi	900,000
108	1501564	Đào Thị Yến	A5K70	3.66	0	86	Giỏi	900,000
109	1501566	Nguyễn Hoàng Yến	A5K70	3.73	0	82	Giỏi	900,000
110	1501215	Đỗ Khắc Huy	A6K70	3.48	0	93	Giỏi	900,000
111	1501222	Doãn Thu Huyền	A6K70	3.48	0	95	Giỏi	900,000
112	1501307	Lê Thái Vỹ Ly	A6K70	3.82	0	95	Xuất sắc	1,000,000
113	1501330	Nguyễn Ngọc Minh	A6K70	3.70	0	85	Giỏi	900,000
114	1501350	Hà Mỹ Ngọc	A6K70	3.89	0	93	Xuất sắc	1,000,000
115	1501514	Vũ Quỳnh Trang	A6K70	3.59	0	89	Giỏi	900,000
116	1501079	Nguyễn Tiến Đạt	A7K70	3.61	0	89	Giỏi	900,000
117	1501109	Trần Hạnh Dung	A7K70	3.89	0	94	Xuất sắc	1,000,000
118	1501123	Lê Hương Giang	A7K70	3.55	0	86	Giỏi	900,000
119	1501380	Hoàng Thục Oanh	A7K70	3.89	0	86	Giỏi	900,000
120	1501454	Hoàng Thạch Thảo	A7K70	3.95	0	91	Xuất sắc	1,000,000
121	1501463	Nguyễn Thị Phương Thảo	A7K70	3.82	0	91	Xuất sắc	1,000,000
122	1501487	Trần Thị Thu Thủy	A7K70	3.73	0	94	Xuất sắc	1,000,000
123	1203239	Nguyễn Thanh Tâm	D1K4	3.24	0	88	Giỏi	750,000
124	1303075	Trần Thị Long Giang	D1K4	3.43	0	93	Giỏi	750,000
125	1303114	Trần Thị Hiền	D1K4	3.54	0	93	Giỏi	750,000
126	1303205	Nguyễn Thị Lý	D1K4	3.21	0	85	Giỏi	750,000
127	1303259	Bùi Thị Phương	D1K4	3.38	0	87	Giỏi	750,000
128	1303350	Trần Thị Minh Thúy	D1K4	3.25	0	88	Giỏi	750,000
129	1203252	Trần Thị Thảo	D2K4	3.54	0	83	Giỏi	750,000
130	1303095	Đinh Thị Hằng	D2K4	3.32	0	86	Giỏi	750,000
131	1303129	Lê Thị Hoài	D2K4	3.39	0	77	Khá	650,000
132	1303230	Đinh Thị Bích Ngọc	D2K4	3.32	0	87	Giỏi	750,000
133	1303287	Đoàn Thị Thanh Tâm	D2K4	3.40	0	87	Giỏi	750,000
134	1303298	Đồng Thị Thảo	D2K4	3.51	0	92	Giỏi	750,000
135	1303370	Nguyễn Thị Thu Trang	D2K4	3.25	0	85	Giỏi	750,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
136	1303376	Trần Thị Trang	D2K4	3.76	0	87	Giỏi	750,000
137	1303401	Bùi Thịnh Vượng	D2K4	3.24	0	84	Giỏi	750,000
138	1303405	Nguyễn Thị Yến	D2K4	3.38	0	87	Giỏi	750,000
139	1303406	Nguyễn Thị Hải Yến	D2K4	3.51	0	85	Giỏi	750,000
140	1303050	Nguyễn Thị Dung	D3K4	3.44	0	87	Giỏi	750,000
141	1303091	Bùi Hồng Hạnh	D3K4	3.47	0	87	Giỏi	750,000
142	1303130	Mai Thị Thu Hoài	D3K4	3.42	0	76	Khá	650,000
143	1303144	Đỗ Thị Huệ	D3K4	3.62	0	84	Giỏi	750,000
144	1303159	Đào Thị Hương	D3K4	3.14	0	86	Khá	650,000
145	1303229	Vũ Thị Ngân	D3K4	3.47	0	87	Giỏi	750,000
146	1303236	Trần Thị Bích Ngọc	D3K4	3.25	0	80	Giỏi	750,000
147	1303239	Phạm Thị Nguyệt	D3K4	3.88	0	90	Xuất sắc	850,000
148	1303361	Mai Thị Thu Trang	D3K4	3.26	0	84	Giỏi	750,000
149	1303385	Nguyễn Thị Tươi	D3K4	3.31	0	87	Giỏi	750,000
150	1503005	Nguyễn Văn Anh	D1K6	2.69	0	91	Khá	650,000
151	1503056	Trịnh Thị Hồng	D2K6	2.50	0	86	Khá	650,000
152	1503099	Nguyễn Thị Ngọc	D2K6	2.66	0	89	Khá	650,000
Tổng								135,800,000

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thái Nguyễn Hùng Thu